

Số: /KL-TTr

Điện Biên, ngày tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông huyện Nậm Pồ

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTr ngày 05/6/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông (PTDTNT THPT) các huyện: Điện Biên Đông; Mường Chà; Mường Ảng; Nậm Pồ. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại các đơn vị từ ngày 13/6/2023 đến ngày 04/8/2023.

Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận các nội dung thanh tra đối với Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ, giai đoạn năm 2019-2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ (gọi tắt là Trường) là cơ sở Giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, được thành lập nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đối tượng là học sinh đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn của huyện. Trường được tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 01/2016/TT-BGDĐT, ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú nay được thay thế bởi Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023; Hiệu Trưởng nhà Trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở, vật chất và tài chính theo thẩm quyền quy định.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường gồm: Ban giám hiệu và 03 tổ chuyên môn; tổ chức đoàn thể (gồm: Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Biên chế đến thời điểm hiện tại: 36 viên chức, người lao động. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động hằng năm của Trường được hình thành từ nguồn ngân sách Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ giao dự toán hằng năm. Việc quản lý, sử dụng ngân sách của

Trường thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định điều hành ngân sách hằng năm của UBND tỉnh.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc chấp hành các quy định về phòng, chống tham nhũng (PCTN)

1. Công tác chỉ đạo và xây dựng kế hoạch PCTN

Thực hiện Luật PCTN; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Kế hoạch, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, hằng năm Trường đã xây dựng, ban hành Kế hoạch công tác PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai chương trình, kế hoạch công tác PCTN, đồng thời gửi qua gmail đến từng cán bộ, viên chức nhà trường và niêm yết công khai tại Bảng thông báo của Nhà trường; báo cáo công tác PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định.

2. Việc tổ chức thực hiện các nội dung công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

2.1. Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính, kinh phí:

Hằng năm, Trường đã thực hiện công khai dự toán ngân sách; công khai dự toán và thực hiện dự toán thu chi ngân sách các quý trong năm; công khai kết quả xét duyệt quyết toán ngân sách; tổ chức thực hiện "Ba" công khai các năm học (công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và Công khai thu chi tài chính của Trường); xây dựng Quy chế sử dụng tài sản công, Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định.

Việc công khai được thực hiện tại các cuộc họp, gửi gmail cho từng cán bộ, viên chức nhà trường và trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

Qua kiểm tra vẫn còn có tồn tại, hạn chế đó là: Trường không công khai dự toán thu chi ngân sách các Quý trong năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

Trong công tác mua sắm, đầu tư công: Trường đã tổ chức mua sắm trang thiết bị làm việc, bổ sung thiết bị dạy học và sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và sinh hoạt của học sinh; Trường đã thực hiện công khai, minh bạch tại cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên quan kiểm tra, năm 2021, 2022 việc mua sắm trang cấp bằng hiện vật và hỗ trợ học phẩm cho học sinh đơn vị không thực hiện đăng tải thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 8, Luật Đấu thầu.

2.2. Công tác tổ chức cán bộ và chính sách đối với cán bộ, người lao động

Trường đã ban hành Kế hoạch và thực hiện các trình tự, thủ tục rà soát, bổ sung, giới thiệu quy hoạch các chức danh Hiệu trưởng, Hiệu phó, Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn từng năm học và giai đoạn 2020-2021; 2021-2022 và 2022-

2023; công tác thi đua, khen thưởng, chính sách tiền lương được thực hiện theo quy định.

Tổ chức thực hiện công khai kết quả công tác tổ chức cán bộ và chế độ chính sách của viên chức, người lao động tại các cuộc họp cơ quan và gửi vào gmail đến từng cán bộ, viên chức nhà trường.

2.3. Việc xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trường đã ban hành các Quy chế liên quan, thực hiện chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức, như: Quy chế làm việc; Quy tắc ứng xử văn hoá trong trường học; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế dân chủ; Quy chế quản lý tài sản công....

Đối với nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ, Trường xây dựng tương đối cụ thể về điều kiện, thủ tục và mức chi và được công bố công khai, thông qua cho toàn thể viên chức và người lao động tại đơn vị để tổ chức thực hiện, đồng thời đã gửi để báo cáo cơ quan liên quan theo quy định.

Tuy nhiên qua kiểm tra xem xét, Quy chế chi tiêu nội bộ có một số tồn tại, hạn chế, đó là:

- Căn cứ vào văn bản hết hiệu lực như: Quy chế từ năm 2019 đến 2022 đơn vị căn cứ vào Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đã được thay thế thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; căn cứ của các Quy chế năm 2019 đến 2021 không viện dẫn căn cứ vào Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Quy chế năm 2022 căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, đã được thay thế và thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Nội dung Quy chế năm 2021 quy định thanh toán tiền nghỉ phép năm, quy định đối tượng được thanh toán tiền phương tiện đi lại; tiền phụ cấp đi đường khi nghỉ phép hàng năm không đúng quy định Tại Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (*đơn vị căn cứ vào nội dung Công văn số 5759/BTC-HCSN ngày 28/04/2016 của Bộ Tài chính về dự thảo Thông tư quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập*).

Quy định nội dung thanh toán đối với Giáo viên thể dục tại quy chế năm 2021, 2022 đơn vị căn cứ vào Quyết định số 2299/UBND-VX ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh là không đúng (không có Quyết định số 2299/UBND-VX ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh), thực hiện theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg

ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao.

Quy định về chế độ học tập tại Quy chế năm 2021 căn cứ vào nội dung chi tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh là không đúng quy định (năm 2020 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 sửa đổi nội dung chi công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC được quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012).

Quy định về thanh toán phép tại Quy chế năm 2022 không xây dựng quy định về thời gian đi đường khi nghỉ phép để làm cơ sở thanh toán theo quy định; thanh toán chế độ công tác phí, chế độ học tập, chế độ hội nghị, chế độ tiếp khách tại các quy chế không quy định về hoá đơn, chứng từ thanh toán để làm cơ sở thanh toán theo quy định; không xây dựng quy định chế độ làm thêm giờ để làm cơ sở thanh toán theo quy định.

- Trường đã xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, việc xây dựng Quy chế Trường không căn cứ theo quy định của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; căn cứ để xây dựng Quy chế lại căn cứ vào văn bản hết hiệu lực thi hành (căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, đã hết hiệu lực thi hành).

3. Việc thực hiện kết luận thanh tra, báo cáo kiểm toán, quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên

Trong thời kì thanh tra, Trường không có các cuộc thanh tra, kiểm toán.

4. Việc thực hiện các quy định về kê khai tài sản, thu nhập (TSTN)

Trường đã tổ chức kê khai tài sản, thu nhập cho những đối tượng phải kê khai; đã xây dựng kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và hằng năm; lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai; tổ chức công khai tại cuộc họp toàn thể viên chức và niêm yết công khai tại bảng tin của đơn vị và bàn giao, quản lý Bản kê khai tài sản, thu nhập; tổng hợp báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định

Tuy nhiên, qua kiểm tra Bản kê khai tài sản thu nhập của một số người thuộc diện phải kê khai phát hiện các tồn tại, như: Không ghi rõ phương thức kê khai (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm) theo quy định tại Điều 36 Luật PCTN năm 2018; tại phần "**Người nhận bản kê khai**" không ghi chức vụ, chức danh người nhận bản kê khai tài sản thu nhập, không ghi ngày, tháng nhận bản kê khai.

II. Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách

1. Công tác quản lý kinh phí ngân sách cấp

Hằng năm Trường đã tổ chức xây dựng dự toán ngân sách trình Sở Giáo dục và Đào tạo, trong đó xác định và thể hiện rõ dự toán chi ngân sách quản lý

hành chính đề nghị giao thực hiện chế độ tự chủ và dự toán chi ngân sách giao không thực hiện chế độ tự chủ, có thuyết minh chi tiết theo nội dung công việc đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định. Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường đã tổ chức quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật.

Việc quyết toán kinh phí ngân sách và quản lý, lập hồ sơ, sổ sách kế toán cơ bản theo quy định; số liệu về nguồn kinh phí và tình hình sử dụng kinh phí của Trường các năm 2019, 2020, 2021 và 2022, (*Phụ biểu 01 đính kèm*)

Tuy nhiên qua thanh tra trong quản lý, sử dụng ngân sách, Trường có một số tồn tại, khuyết điểm như sau: Chưa mở Sổ chi tiết nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Sổ chi tiết thanh toán với khách hàng; Sổ chi tiết các khoản tạm thu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

Sổ Tài sản cố định và sổ chi tiết các tài khoản không đúng mẫu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (Sổ Tài sản cố định theo mẫu Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC; Sổ chi tiết các tài khoản theo mẫu Thông tư 79/2019/TT-BTC).

2. Việc chấp hành quy định trong sử dụng ngân sách

Qua kiểm tra việc sử dụng ngân sách của Trường còn một số nội dung tồn tại, hạn chế như:

Năm 2020, năm 2021, Trường chưa thực hiện chi trả phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp đặc biệt đối với viên chức được cử biệt phái theo quy định tại Điều 36, Luật Viên chức¹.

Việc Sở Giáo dục và Đào tạo ký các Quyết định, Hợp đồng lao động và Thông báo hợp đồng lao động năm 2021-2022 đối với lao động hợp đồng phục vụ tại các Trường PTDTNT là không đúng theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 và Điều 4, Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ².

¹. Quyết định số 142/QĐ-SGDĐT ngày 23/3/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo, cử viên chức Đào Thị Nhân, giáo viên Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ đi biệt phái tại Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp; Quyết định số 1821/QĐ-SGDĐT ngày 13/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, cử viên chức Lê Hồng Long, giáo viên Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ đi biệt phái tại Trường Trung học phổ thông Nậm Pồ, trong đó nội dung các quyết định ghi *Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ có trách nhiệm chi trả lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) cho bà Đào Thị Nhân và ông Lê Hồng Long theo quy định hiện hành đối với giáo viên Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp và Trường Trung học phổ thông Nậm Pồ* là không đúng quy định tại Điều 36, Luật Viên chức.

Số tiền phụ cấp trách nhiệm Trường tiếp tục phải thực hiện chi trả cho viên chức Đào Thị Nhân là 3.124.530 đồng.

Số tiền phụ cấp trách nhiệm Trường tiếp tục phải thực hiện chi trả cho viên chức Lê Hồng Long là 3.173.700 đồng.

². Năm 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định hợp đồng nhân viên phục vụ đối với bà Trần Thị Hương và Lò Văn Thư làm nhân viên bảo vệ làm việc tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông

Năm 2019, 2020, 2021 Trường sử dụng ngân sách được giao, số dư còn cao dẫn đến phải huỷ dự toán.

C. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

I. Những mặt làm được

Thực hiện quy định của pháp luật về PCTN Trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tổ chức thực hiện niêm yết công khai tại bảng thông báo của Nhà trường; thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức giảng dạy, học tập quy định về PCTN trong trường học.

Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo xây dựng và ban hành các quy định, quy chế liên quan đến chức năng, hoạt động của Trường làm cơ sở để chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của Trường; đồng thời tổ chức thực hiện biện pháp công khai, minh bạch theo quy định.

Ban hành các Quyết định công khai về tài chính, ngân sách; mua sắm, đầu tư công; xây dựng, ban hành các quy định về định mức tiêu chuẩn. Thực hiện các quy định về công khai trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng, chính sách tiền lương đối với viên chức của đơn vị.

Hằng năm Trường đã tổ chức xây dựng dự toán đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định. Trên cơ sở dự toán được giao, Trường đã thực hiện phân bổ dự toán thu, chi để tổ chức quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định.

Công tác quản lý, sử dụng ngân sách cơ bản tuân theo quy định. Thực hiện chi tiêu đúng mục đích, nội dung đúng mục lục dự toán giao, sử dụng kinh

Năm 2019, (Quyết định số 2872/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2019 (Trần Thị Hương); Quyết định số 3295/QĐ-SGDĐT ngày 01/10/2019 (Lò Văn Thư).

Năm 2020, ký hợp đồng đối với Trần Thị Hương (nhân viên tạp vụ); Lò Văn Thư (nhân viên bảo vệ); Lương Thị Cúc (Nhân viên tạp vụ); Pòong Thị Tuyền (nhân viên tạp vụ); (Hợp đồng số 1902/HĐ-SGDĐT, 1903/HĐ-SGDĐT, 1904/HĐ-SGDĐT, 1905/HĐ-SGDĐT ngày 01/3/2020).

Thông báo số 2061/TB-SGDĐT ngày 29/9/2020 về việc ký kết hợp đồng lao động theo Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, trong đó nhất trí tiếp tục ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/22/2018 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (có quy định tiền công tháng, tiền công thực lĩnh, ngày ký hợp đồng, ngày kết thúc hợp đồng...)

Năm 2021, ký hợp đồng đối với Lương Văn Dương (nhân viên bảo vệ); Lìa Thị Sóng (Nhân viên phục vụ nuôi dưỡng); (Hợp đồng số 2516/HĐ-SGDĐT, 2517/HĐ-SGDĐT ngày 13/8/2021).

Thông báo số 1974/TB-SGDĐT ngày 25/8/2021 về việc ký kết hợp đồng lao động theo Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, trong đó nhất trí tiếp tục ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/22/2018 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (có quy định tiền công tháng, tiền công thực lĩnh, ngày ký hợp đồng, ngày kết thúc hợp đồng...).

Năm 2022, ký hợp đồng đối với Vàng Thị Mỹ làm nhân viên phục vụ; (Hợp đồng số 169/HĐ-SGDĐT ngày 21/3/2022).

Thông báo số 1991/TB-SGDĐT ngày 17/8/2022; số 2589/SGDĐT-TCCB ngày 24/10/2022 về việc ký kết hợp đồng lao động theo Điều 3, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, trong đó nhất trí tiếp tục ký hợp đồng đối với 20 lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/22/2018 của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (có quy định tiền công tháng, tiền công thực lĩnh, ngày ký hợp đồng, ngày kết thúc hợp đồng...).

phí cơ bản tiết kiệm, hiệu quả, chứng từ cơ bản đầy đủ, chặt chẽ; nỗ lực, cố gắng trong việc huy động các nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu dịch vụ khác.

II. Một số tồn tại, hạn chế

Việc công khai tài chính ngân sách, mua sắm có việc chưa kịp thời, đầy đủ theo quy định, như: Không công khai dự toán thu chi ngân sách các quý trong năm; không thực hiện đăng tải thông tin kết quả lựa chọn nhà thầu việc mua sắm trang cấp bằng hiện vật và hỗ trợ học phẩm cho học sinh.

Thực hiện việc rà soát, sửa đổi các quy chế đã ban hành chưa thường xuyên dẫn đến nhiều chính sách, quy định đã thay đổi, song không được cập nhật sửa đổi kịp thời; chưa mở đầy đủ các sổ sách kế toán theo quy định. Trường đã mở Sổ Tài sản cố định và sổ chi tiết các tài khoản, song không đúng mẫu theo quy định.

Chi trả phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp đặc biệt đối với viên chức được cử biệt phái chưa đúng quy định; không kịp thời phát hiện nội dung bất cập trong quyết định cử viên chức biệt phái của Sở Giáo dục và Đào tạo để thông tin, đề nghị được hướng dẫn thực hiện; trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách số huỷ dự toán cao. Sở Giáo dục và Đào tạo ký các Quyết định hợp đồng lao động và Thông báo hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp công lập là sai quy định.

III. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Qua kiểm tra, xem xét việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN, việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách tại Trường, những tồn tại nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công tác theo dõi, kiểm tra, rà soát thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu đối với từng lĩnh vực, nhiệm vụ chưa chặt chẽ, dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các tồn tại, hạn chế để chấn chỉnh khắc phục.

- Công tác tham mưu và thực hiện việc công khai minh bạch nhằm phục vụ các nhiệm vụ PCTN, TC của viên chức kế toán, cá nhân được giao nhiệm vụ và người đứng đầu chưa kịp thời cập nhật, nắm bắt, nghiên cứu để tham mưu nhằm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác PCTN, TC dẫn đến một số nội dung liên quan đến các biên pháp phòng ngừa TNTC còn chưa đầy đủ.

- Viên chức kế toán được giao nhiệm vụ tham mưu trong công tác tài chính mới được tuyển dụng, phải kiêm nhiệm công việc tại hai đơn vị trường, do vậy chưa có nhiều kinh nghiệm và thời gian để nghiên cứu các văn bản, chế độ, chính sách liên quan để tham mưu thực hiện sửa đổi, điều chỉnh; sử dụng kinh phí, ngân sách chưa bám sát các văn bản hướng dẫn, quy định của pháp luật, việc cập nhật chế độ chính sách còn chưa đầy đủ, chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ dẫn đến chi thanh toán chế độ, chính sách đối với viên chức chưa đầy đủ, kịp thời theo quy định.

IV. Trách nhiệm của những tồn tại, hạn chế

Chịu trách nhiệm chung về những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo và thực hiện công tác PCTN, TC, công tác quản lý, điều hành, sử dụng kinh phí, ngân sách thuộc trách nhiệm người đứng đầu là ông Nguyễn Văn Tập - Hiệu trưởng.

Chịu trách nhiệm trực tiếp về những tồn tại, hạn chế trong công tác tham mưu một số biện pháp phòng ngừa TN, TC, công tác quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách thuộc trách nhiệm liên quan của cá nhân bà Bùi Thuỳ Dương, Kế toán nhà trường.

(chi tiết tại Phụ lục 02 kèm Kết luận thanh tra)

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Về xử lý kinh tế

Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ có trách nhiệm chi trả số tiền phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp đặc biệt đối với các viên chức được cử biệt phái, cụ thể:

Ông Lê Hồng Long là 3.173.700 đồng.

Bà Đào Thị Nhàn là 3.124.530 đồng.

II. Xử lý về trách nhiệm

Thông qua kết quả thanh tra và những tồn tại, hạn chế nêu trên, Thanh tra tỉnh kiến nghị Hiệu trưởng Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ:

- Kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, đối với các hạn chế, khuyết điểm nêu trên để rút kinh nghiệm và xây dựng các giải pháp chấn chỉnh khắc phục các tồn tại, hạn chế qua thanh tra.

- Tổ chức kiểm điểm các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến tồn tại, hạn chế, thiếu sót qua thanh tra và tổng hợp báo cáo kết quả xử lý về Thanh tra tỉnh để theo dõi.

III. Về công tác quản lý

Kiến nghị Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ:

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, cá nhân có liên quan xây dựng, ban hành các quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của Trường đúng theo quy định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính để rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chấn chỉnh trong công tác tài chính, kế toán, chấm dứt việc đề huỷ dự toán; mở Sổ chi tiết nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; Sổ chi tiết doanh thu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Sổ chi tiết thanh toán với khách hàng; Sổ chi tiết các khoản tạm

thu; mở Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ theo đúng mẫu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tình hình hoạt động của Trường tổ chức rà soát lại cơ cấu tổ chức, quản lý, sắp xếp lại lao động để thực hiện ký hợp đồng lao động theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là kết luận thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách tại Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ. Hiệu trưởng Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung kết luận thanh tra và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi Thanh tra tỉnh **trước ngày 20/9/2023**./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trường PTDTNT THPT huyện Nậm Pồ;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng nghiệp vụ IV - Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTTra.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Trần Văn chiến

BIỂU 01
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG TRƯỜNG PTDTNT THPT
HUYỆN NẬM PỒ GIAI ĐOẠN 2019 ĐẾN 2022

(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày /8/2023 của Thanh tra tỉnh Điện Biên)

ĐV tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	NGUỒN NGÂN SÁCH					
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	258.048.163	70.098.876	47.101.764	111.617.523	29.230.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	115.895.763	565.876	47.101.764	38.998.123	29.230.000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	142.152.400	69.533.000	0	72.619.400	0
2	Kinh phí giao trong kỳ	36.504.651.000	6.762.000.000	8.241.000.000	9.840.000.000	11.661.651.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.435.000.000	3.976.000.000	4.130.000.000	5.077.000.000	6.252.000.000
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	17.069.651.000	2.786.000.000	4.111.000.000	4.763.000.000	5.409.651.000
3	Kinh phí được sử dụng	36.762.699.163	6.832.098.876	8.288.101.764	9.951.617.523	11.690.881.000
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.550.895.763	3.976.565.876	4.177.101.764	5.115.998.123	6.281.230.000
3.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	17.211.803.400	2.855.533.000	4.111.000.000	4.835.619.400	5.409.651.000
4	Kinh phí thực nhận	35.244.319.961	5.957.075.950	7.982.476.113	9.806.682.523	11.498.085.375
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.249.565.876	3.929.464.112	4.138.103.641	5.086.768.123	6.095.230.000
4.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	15.994.754.085	2.027.611.838	3.844.372.472	4.719.914.400	5.402.855.375
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	35.244.319.961	5.957.075.950	7.982.476.113	9.806.682.523	11.498.085.375
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.249.565.876	3.929.464.112	4.138.103.641	5.086.768.123	6.095.230.000
5.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	15.994.754.085	2.027.611.838	3.844.372.472	4.719.914.400	5.402.855.375
6	Kinh phí giảm trong kỳ	1.144.429.915	827.921.162	194.008.128	115.705.000	6.795.625
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0

6.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	1.144.429.915	827.921.162	194.008.128	115.705.000	6.795.625
7	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	373.949.287	47.101.764	111.617.523	29.230.000	186.000.000
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	301.329.887	47.101.764	38.998.123	29.230.000	186.000.000
7.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	72.619.400	0	72.619.400	0	0
II	HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ					
1	Doanh thu	138.037.500	13.995.000	32.617.500	44.475.000	46.950.000
2	Chi phí	74.416.800	0	19.561.800	26.685.000	28.170.000
3	Thặng dư/ thâm hụt	63.620.700	13.995.000	13.055.700	17.790.000	18.780.000
III	Hoạt động tài chính	0				
1	Doanh thu	0				
2	Chi phí	0				
3	Thặng dư/ thâm hụt	0				
IV	Hoạt động khác	0				
1	Doanh thu	0	0	0	0	0
2	Chi phí	0	0	0	0	0
3	Thặng dư/ thâm hụt	0	0	0	0	0
V	Chi phí thuế TNDN	0		0	0	0
VI	Thặng dư/ thâm hụt trong năm	63.620.700	13.995.000	13.055.700	17.790.000	18.780.000

BIỂU 02
TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KIỂM ĐIỂM XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM
(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày /8/2023
của Thanh tra tỉnh Điện Biên).

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm	Ghi chú
			Hành chính	
I	CÁ NHÂN			
1	Ông Nguyễn Văn Tập	Hiệu trưởng. Trách nhiệm người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện về PCTN, TC; quản lý, điều hành, sử dụng kinh phí, ngân sách	x	
2	Bà Bùi Thuỳ Dương	Kế toán nhà trường. Vi phạm, khuyết điểm trong việc tham mưu một số biện pháp phòng ngừa TN, TC, công tác quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách.	x	